



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

1. Ông Nguyễn Hữu Nghiêm Chủ tịch

Ban Giám đốc

1. Ông Lê Văn Xếp Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Văn Xếp – Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tham mưu và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Xếp

Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Số: 011502/2020/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2020, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-01
Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.691.171.651	10.060.819.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.351.317.215	2.275.179.360
1. Tiền	111		2.351.317.215	1.775.179.360
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	8.000.000.000	7.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.230.167	215.519.716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.780.852	93.063.552
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	171.449.315	122.456.164
IV. Hàng tồn kho	140		2.106.836	5.923.414
1. Hàng tồn kho	141		2.106.836	5.923.414
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.517.433	64.197.337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	80.517.433	62.380.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.816.906
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.094.621.405	10.674.439.872
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		9.871.175.863	10.316.586.246
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	9.871.175.863	10.316.586.246
- Nguyên giá	222		13.807.577.465	13.770.707.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.936.401.602)	(3.454.121.219)
III. Tài sản dài hạn khác	260		220.445.542	354.853.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	220.445.542	354.853.626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.785.793.056	20.735.259.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.221.693.864	2.171.160.507
I. Nợ ngắn hạn	310		2.148.193.864	2.103.660.507
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	217.142.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	317.724.418	72.538.906
3. Phải trả người lao động	314		1.186.014.008	1.359.902.245
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	35.200.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		644.455.438	418.877.356
II. Nợ dài hạn	330		73.500.000	67.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.7	73.500.000	67.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.564.099.192	18.564.099.192
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.9	18.564.099.192	18.564.099.192
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.564.099.192	18.564.099.192
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.785.793.056	20.735.259.699


Trịnh Minh Hiệp
Người lập


Trần Thị Thu Sương
Kế toán trưởng


Lê Văn Xếp
Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.962.856.867	11.075.972.635
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	11.962.856.867	11.075.972.635
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.988.920.502	4.851.182.169
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.973.936.365	6.224.790.466
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	557.419.727	432.319.708
6. Chi phí tài chính	22		-	-
7. Chi phí bán hàng	25		24.019.800	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.725.155.756	5.111.841.913
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.782.180.536	1.545.268.261
10. Thu nhập khác	31		716	229
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		716	229
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.782.181.252	1.545.268.490
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	450.411.923	349.963.807
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.331.769.329	1.195.304.683


Trịnh Minh Hiệp
Người lập

Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởngLê Văn Xếp
Giám đốc

Ngày 15 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

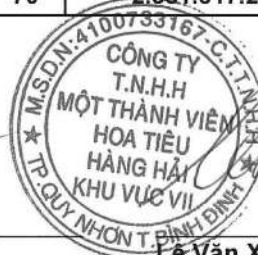
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.782.181.252	1.545.268.490
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	482.280.383	477.047.065
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(557.419.727)	363.967.711
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.707.041.908	2.386.283.266
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	9.099.606	(53.206.956)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	3.816.578	2.705.019
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(332.568.666)	166.906.181
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	116.271.082	57.717.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(388.787.982)	(309.251.898)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	64.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.074.291.247)	(996.996.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	104.581.279	1.254.157.542
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(36.870.000)	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.500.000.000)	(7.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	4.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	508.426.576	363.967.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.443.424)	(2.636.032.289)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	76.137.855	(1.381.874.747)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.275.179.360	3.657.054.107
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.351.317.215	2.275.179.360


Trịnh Minh Hiệp
Người lập


Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Lê Văn Xếp
Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100733167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2011. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE SEVENTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 28 người.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng (Mười tám tỷ chín trăm bảy mươi một triệu đồng). Đến thời điểm báo cáo này, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

Chủ sở hữu Công ty

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Quy Nhơn và Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải	10 - 13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	119.234.000	118.265.000
Tiền gửi ngân hàng	2.232.083.215	1.656.914.360
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
Cộng	2.351.317.215	2.275.179.360

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	7.500.000.000
Cộng	8.000.000.000	7.500.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định với lãi suất 6,8%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công Ty Liên Doanh Píl Việt Nam	42.941.152	14.613.064
Công Ty Cổ Phần Asiatrans Vietnam	14.414.400	28.884.936
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	28.425.300	49.565.552
Cộng	85.780.852	93.063.552

4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn khác	171.449.315	122.456.164
- Lãi dự thu ngân hàng	171.449.315	122.456.164
Cộng	171.449.315	122.456.164
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000

23-C.
TY
H
ÁN
TẾ
T.P.H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	-	25.036.514
- Chi phí mua bảo hiểm	17.805.045	25.228.588
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	62.712.388	12.115.329
Cộng	80.517.433	62.380.431
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí sửa chữa	56.325.375	242.818.945
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	146.673.299	107.806.164
- Chi phí trả trước dài hạn khác	17.446.868	4.228.517
Cộng	220.445.542	354.853.626



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIỂU HÀNG HẢI KHU VỰC VII

Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,

Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Mua trong năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm

Khấu hao trong năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.190.481.542	596.176.273	1.786.376.195	197.673.455	13.770.707.465
Mua trong năm	-	-	-	36.870.000	36.870.000
Số dư cuối năm	11.190.481.542	596.176.273	1.786.376.195	234.543.455	13.807.577.465
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.359.162.909	502.468.562	1.424.781.498	167.708.250	3.454.121.219
Khấu hao trong năm	223.085.976	85.168.040	155.780.478	18.245.889	482.280.383
Số dư cuối năm	1.582.248.885	587.636.602	1.580.561.976	185.954.139	3.936.401.602
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	9.831.318.633	93.707.711	361.594.697	29.965.205	10.316.586.246
Tại ngày cuối năm	9.608.232.657	8.539.671	205.814.219	48.589.316	9.871.175.863

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 136.673.455 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 136.673.455 đồng).

7. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	73.500.000	67.500.000
Cộng	73.500.000	67.500.000

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIỂU HANG HẢI KHU VỰC VII

Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,

Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	115.342.864	72.644.033	42.698.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.434.131	450.411.923	388.787.982	102.058.072
Thuế thu nhập cá nhân	32.104.775	465.864.830	325.002.090	172.967.515
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	45.034.175	45.034.175	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	72.538.906	1.079.653.792	834.468.280	317.724.418

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII

Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,
Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	18.536.893.691	27.205.501	-	18.564.099.192
Tăng trong năm	27.205.501	(27.205.501)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.195.304.683	1.195.304.683
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.079.391.458)	(1.079.391.458)
Trích khen thưởng Ban điều Hành	-	-	(115.913.225)	(115.913.225)
Số dư đầu năm nay	18.564.099.192	-	-	18.564.099.192
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.331.769.329	1.331.769.329
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(1.331.769.329)	(1.331.769.329)
Số dư cuối năm nay	18.564.099.192	-	-	18.564.099.192

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quyết định số 231/QĐ-CTHTHHKV.VII ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc phân bổ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi quản lý người lao động năm 2019, theo đó trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.331.769.329 đồng.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	18.564.099.192	18.564.099.192
Cộng	18.564.099.192	18.564.099.192

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.962.856.867	11.075.972.635
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	11.511.311.415	10.633.572.631
- Doanh thu dịch vụ cho thuê VP	451.545.452	442.400.004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.962.856.867	11.075.972.635

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ hoa tiêu	4.825.890.927	4.714.026.725
Cho thuê văn phòng	163.029.575	137.155.444
Cộng	4.988.920.502	4.851.182.169

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	557.419.727	432.319.708
Cộng	557.419.727	432.319.708

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.551.930.035	3.177.040.062
Chi phí đồ dùng văn phòng	175.885.103	162.591.023
Chi phí khấu hao TSCĐ	281.882.711	276.649.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.623.810	415.443.486
Chi phí bằng tiền khác	1.536.834.097	1.080.117.949
Cộng	5.725.155.756	5.111.841.913

5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.782.181.252	1.545.268.490
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	469.878.365	204.550.547
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>469.878.365</i>	<i>204.550.547</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	2.252.059.617	1.749.819.037
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	450.411.923	349.963.807
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	450.411.923	349.963.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	835.146.045	758.700.688
Chi phí nhân công	7.296.704.083	6.907.105.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	482.280.383	477.047.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	587.131.450	684.898.183
Chi phí khác bằng tiền	1.536.834.097	1.135.273.040
Cộng	10.738.096.058	9.963.024.082

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty trong năm:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Chủ tịch và Giám đốc Công ty	820.456.488	756.857.760
Cộng	820.456.488	756.857.760

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.


 Trịnh Minh Hiệp
 Người lập


 Trần Thị Thu Sương
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Xếp
 Giám đốc
 Ngày 15 tháng 01 năm 2020
